



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA

**Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017**

Mã số doanh nghiệp: 0303207317



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1-2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	4-5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7
Thuyết minh báo cáo tài chính	8-23

13-
C
ÔN
KI
TÀI

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban giám đốc hân hạnh đề trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cổ phần Điện tử Bình Hòa cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017.

1. Công ty

Công ty cổ phần Điện tử Bình Hòa (dưới đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 0303207317 (số cũ là 4103004312) đăng ký lần đầu ngày 7 tháng 2 năm 2006 và thay đổi lần thứ tư vào ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Vốn điều lệ của công ty cổ phần là 29 tỷ VND.

Ngày 26 tháng 5 năm 2017, cổ phiếu của Công ty với mã chứng khoán là VBH đã hủy niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội do kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bị lỗ 3 năm liên tiếp (năm 2014, năm 2015 và năm 2016).

Văn phòng và nhà xưởng của Công ty được đặt tại số 204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Chi nhánh của Công ty được đặt tại Lô 6, Khu công nghiệp Hố Nai, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Trong năm tài chính này, hoạt động chủ yếu của Công ty là gia công linh kiện điện tử và cho thuê bất động sản.

2. Ban giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban giám đốc trong năm tài chính và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lưu Hoàng Long	Chủ tịch kiêm người đại diện pháp luật
Ông Nguyễn Văn Thành	Phó chủ tịch
Ông Bùi Mạnh Hùng	Thành viên
Ông Trần Hải Minh	Thành viên
Ông Dương Trung Dũng	Thành viên

Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Phước Hiệp	Trưởng ban
Bà Nguyễn Vi Tường Thúy	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Kim Tuyền	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Hà Hữu Quang	Giám đốc
Ông Lê Thanh Hiền	Phó Giám đốc

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán BDO được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017.

5. Công bố trách nhiệm của Ban giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Ban giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

6. Công bố báo cáo tài chính

Theo ý kiến Ban giám đốc, Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban giám đốc



HÀ HỮU QUANG
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 3 năm 2018

Số : BINHO/017.HCM.17

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông
Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Điện tử Bình Hòa (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 01 tháng 3 năm 2018 từ trang 4 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban giám đốc

Ban giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Điện tử Bình Hòa tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



NGUYỄN THỊ THANH
Phó giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0185-2018-038-1

NGUYỄN THỊ THÚY NGÀ
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0428-2018-038-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN BDO – CHI NHÁNH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 3 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

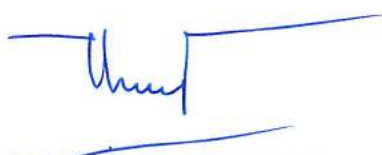
Ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		15.499.629.218	18.176.847.749
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	5.486.186.891	3.488.124.681
Tiền	111		1.986.186.891	2.488.124.681
Các khoản tương đương tiền	112		3.500.000.000	1.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	4.2	2.700.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		2.700.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.726.749.713	10.393.038.087
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	7.768.247.210	9.006.370.468
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	1.503.518.745
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	4.6	50.000.000	50.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	4.4	6.892.100.604	6.950.749.378
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.5	(8.983.598.101)	(7.117.600.504)
Hàng tồn kho	140	4.7	814.065.615	3.572.200.621
Hàng tồn kho	141		814.065.615	3.572.200.621
Tài sản ngắn hạn khác	150		772.626.999	723.484.360
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.8	86.090.869	32.058.992
Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.154.540	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.15	684.381.590	691.425.368
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		904.885.026	1.141.403.931
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		214.029.853	464.732.763
Tài sản cố định hữu hình	221	4.9	214.029.853	464.732.763
Nguyên giá	222		21.183.079.716	21.183.079.716
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.969.049.863)	(20.718.346.953)
Tài sản cố định vô hình	227	4.10	-	-
Nguyên giá	228		108.436.107	108.436.107
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(108.436.107)	(108.436.107)
Bất động sản đầu tư	230	4.11	-	8.195.460
Nguyên giá	231		6.211.957.943	6.211.957.943
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(6.211.957.943)	(6.203.762.483)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.12	-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		510.000.000	510.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(510.000.000)	(510.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		690.855.173	668.475.708
Chi phí trả trước dài hạn	261	4.8	690.855.173	668.475.708
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		16.404.514.244	19.318.251.680

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		1.993.692.690	5.308.557.043
Nợ ngắn hạn	310		1.168.155.190	4.940.461.443
Phải trả người bán ngắn hạn	311		-	2.361.441.279
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.13	482.998.425	2.260.588.811
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	4.14	671.179.459	313.556.480
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.15	13.977.306	960.000
Phải trả ngắn hạn khác	319		-	3.914.873
Nợ dài hạn	330		825.537.500	368.095.600
Phải trả dài hạn khác	337	4.16	825.537.500	368.095.600
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	4.17	14.410.821.554	14.009.694.637
Vốn chủ sở hữu	410		14.410.821.554	14.009.694.637
Vốn cổ phần	411		29.000.000.000	29.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		29.000.000.000	29.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		2.310.399.740	2.310.399.740
Lỗi lũy kế	421		(16.899.578.186)	(17.300.705.103)
- các năm trước	421a		(17.300.705.103)	(10.532.280.637)
- năm nay	421b		401.126.917	(6.768.424.466)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		16.404.514.244	19.318.251.680



LÊ THỊ NGỌC THÙY
Người lập biểu



HOÀNG THỊ ANH LÊ
Kế toán trưởng




HÀ HỮU QUANG
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 3 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	60.669.421.957	99.752.277.902
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	10		60.669.421.957	99.752.277.902
Giá vốn hàng bán	11	5.2	45.733.737.316	89.575.505.686
Lãi gộp	20		14.935.684.641	10.176.772.216
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	175.990.238	289.839.121
Chi phí tài chính	22	5.4	46.842.915	579.952.786
Chi phí bán hàng	25	5.5	2.360.863.320	2.373.920.493
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	12.300.260.933	14.458.416.032
Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	30		403.707.711	(6.945.677.974)
Thu nhập khác	31	5.7	31.208.821	347.479.065
Chi phí khác	32	5.8	33.789.615	170.225.557
(Lỗ)/lãi khác	40		(2.580.794)	177.253.508
Tổng lãi/(lỗ) kế toán trước thuế	50		401.126.917	(6.768.424.466)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.9	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	5.9	-	-
Lãi/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		401.126.917	(6.768.424.466)
Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	5.10	138	(2.334)

LÊ THỊ NGỌC THỦY
Người lập biểu

HOÀNG THỊ ANH LÊ
Kế toán trưởng



HÀ HỮU QUANG
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 3 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Mã số	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lỗ trước thuế	01	401.126.917	(6.768.424.466)
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	258.898.370	298.838.509
Các khoản dự phòng	03	1.865.997.597	2.594.803.392
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái	04	2.953.828	(27.584.389)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(93.345.630)	(234.177.310)
Lãi/(Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	2.435.631.082	(4.136.544.264)
Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09	2.802.628.066	(525.919.353)
Giảm hàng tồn kho	10	2.758.135.006	3.019.029.621
Giảm các khoản phải trả	11	(3.314.864.353)	(453.682.843)
Tăng chi phí trả trước	12	(76.411.342)	(111.359.435)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	4.605.118.459	(2.208.476.274)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	-	(130.480.000)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	-	150.000.000
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.700.000.000)	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	93.345.630	84.177.310
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.606.654.370)	103.697.310
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50	1.998.464.089	(2.104.778.964)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM	60	3.488.124.681	5.592.976.330
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(401.879)	(72.685)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	5.486.186.891	3.488.124.681



LÊ THỊ NGỌC THỦY
Người lập biểu



HOÀNG THỊ ANH LÊ
Kế toán trưởng





HÀ HỮU QUANG
Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 3 năm 2018

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Công ty cổ phần Điện tử Bình Hòa (dưới đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cổ phần số 0303207317 (số cũ là 4103004312) đăng ký lần đầu ngày 7 tháng 2 năm 2006 và thay đổi lần thứ tư vào ngày 28 tháng 6 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Vốn điều lệ của công ty cổ phần là 29 tỷ VND.

Ngày 26 tháng 5 năm 2017, cổ phiếu của Công ty với mã chứng khoán là VBH đã hủy niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội do kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bị lỗ 3 năm liên tiếp (năm 2014, năm 2015 và năm 2016).

Văn phòng và nhà xưởng của Công ty được đặt tại số 204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Chi nhánh của Công ty được đặt tại Lô 6, Khu công nghiệp Hố Nai, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Trong năm tài chính này, hoạt động chủ yếu của Công ty là gia công linh kiện điện tử và cho thuê bất động sản.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, tổng số nhân viên của Công ty là 246 người (ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 244 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND"), được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

3.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm cuối năm tài chính, các tài sản bằng tiền và nợ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái vào ngày này.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch đánh giá lại được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Đầu tư tài chính ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 6 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm.

3.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở thời điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Hàng tồn kho được ghi nhận theo phương pháp kê khai thường xuyên và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối kỳ tài chính. Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.5 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc thiết bị	3 - 7 năm
Phương tiện vận tải	3 - 6 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 4 năm

3.6 Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

35-C
H
HH
N
TINH
CHI

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm giá trị nhà kho và phân xưởng của Công ty được dùng cho thuê theo các hợp đồng thuê hoạt động. Khấu hao bất động sản đầu tư được tính theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 5 năm đến 10 năm.

3.8 Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản phân phối lợi nhuận của công ty liên kết sau ngày đầu tư được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm, các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và phải ghi giảm giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất đầu tư đối với các khoản còn đầu tư tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

3.9 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng, phí duy trì tên miền, phí duy trì mail, lưu trữ trang web, phần mềm Microsoft, chi phí cải tạo nhà xưởng, nâng cấp máy biến thế, được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong khoảng thời gian từ hai đến năm năm tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Các khoản phải trả và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo nguyên giá.

3.11 Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Doanh thu cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản được ghi nhận theo thời hạn thuê đã được nêu trong hợp đồng thuê hoạt động.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

3.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế có liên quan sẽ được thực hiện.

3.13 Các bên có liên quan

Các bên được xem là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba.

Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan:

Bên liên quan	Địa điểm	Quan hệ
Tổng Công ty Điện tử Tin học Việt Nam	TP. Hà Nội	Công ty mẹ
Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh	TP. Hồ Chí Minh	Công ty liên kết
Công ty cổ phần Đầu tư và Ứng dụng Công nghệ mới ("TECCO")	TP. Hồ Chí Minh	Cổ đồng

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền mặt tồn quỹ	902.851.207	536.322.993
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.083.335.684	1.951.801.688
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	3.500.000.000	1.000.000.000
	5.486.186.891	3.488.124.681

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, tiền gửi ngân hàng có gốc ngoại tệ là 26.185,36 USD tương đương 593.491.184 VND (vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 7.994,45 USD tương đương 181.474.242 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn 6 tháng	2.700.000.000	-
	2.700.000.000	-

4.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Bên liên quan	318.131.651	354.137.948
Bên thứ ba:		
- TDK-Lambda Malaysia SDN BHD	772.604.067	403.780.563
- Tohozinc Co., Ltd.	2.021.656.441	2.936.622.387
- Công ty cổ phần Điện tử Thủ Đức 1	668.679.020	650.802.700
- Công ty TNHH Kiến Quang	2.671.677.540	2.671.677.540
- Các khách hàng khác	1.315.498.491	1.989.349.330
	7.768.247.210	9.006.370.468

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, trong số dư phải thu thương mại có gốc ngoại tệ bao gồm 152.057,53 USD tương đương 3.446.384.008 VND (vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 166.289,53 USD tương đương 3.774.772.217 VND).

4.4 Phải thu ngắn hạn khác

		31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Bên liên quan	(a)	1.949.158.918	1.949.158.918
Bên thứ ba:			
- Doanh nghiệp tư nhân TM Ngân Long	(b)	2.570.029.600	2.570.029.600
- Công ty TNHH Kiến Quang	(b)	2.200.000.000	2.200.000.000
- Phải thu khác		172.912.086	231.560.860
		6.892.100.604	6.950.749.378

(a) Đây là các khoản phải thu từ Công ty TECCO và đã được lập dự phòng toàn bộ, trong đó:

- 1.502.658.918 VND là khoản tiền lãi chậm trả;
- 446.500.000 VND là khoản ứng trước theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 11/HĐNT ngày 9 tháng 12 năm 2008 giữa Công ty và TECCO để thực hiện dự án Cao ốc căn hộ - Thương mại dịch vụ - Văn phòng cho thuê tại số 204 Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh và hợp đồng hợp tác kinh doanh này đã ngừng triển khai.

(b) Đây là các khoản ứng trước cho nhà cung cấp từ các năm 2013 và 2014 nhưng hợp đồng không được thực hiện.

4.5 Nợ quá hạn và dự phòng phải thu khó đòi

	31/12/2017		01/01/2017	
	Số dư nợ quá hạn VND	trong đó, lập dự phòng VND	Số dư nợ quá hạn VND	trong đó, lập dự phòng VND
Phải thu khách hàng	4.651.513.987	2.264.409.583	2.146.744.789	1.058.411.986
Phải thu khác ngắn hạn	6.719.188.518	6.719.188.518	6.719.188.518	6.059.188.518
	11.370.702.505	8.983.598.101	8.865.933.307	7.117.600.504

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Nợ quá hạn và dự phòng phải thu khó đòi (tiếp theo)

Tình hình tăng giảm dự phòng các khoản phải thu khó đòi như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Số dư đầu năm	7.117.600.504	5.032.797.112
Trích lập dự phòng trong năm	1.865.997.597	2.084.803.392
Số dư cuối năm	8.983.598.101	7.117.600.504

4.6 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Bên liên quan	50.000.000	50.000.000

Đây là khoản tiền cho Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh mượn, không lãi suất, không tài sản đảm bảo.

4.7 Hàng tồn kho

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Hàng mua đang đi đường	-	2.098.187.066
Nguyên vật liệu	650.220.901	1.325.632.392
Công cụ dụng cụ	90.539.911	148.381.163
Thành phẩm	73.304.803	-
	814.065.615	3.572.200.621

4.8 Chi phí trả trước

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	35.007.536	28.558.992
Khác	51.083.333	3.500.000
	86.090.869	32.058.992
<i>Dài hạn</i>		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	22.084.848
Phí duy trì tên miền, web, chữ ký số, phí bản quyền phần mềm	124.952.799	233.050.807
Hệ thống báo cháy	4.785.414	23.927.082
Chi phí cải tạo, sửa chữa lớn nhà xưởng	465.028.074	243.190.749
Nâng cấp máy biến thế	96.088.886	146.222.222
	690.855.173	668.475.708

Tình hình tăng, giảm chi phí trả trước dài hạn như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Số dư đầu năm	668.475.708	506.017.812
Tăng trong năm	403.106.070	419.899.000
Phân bổ trong năm	(380.726.605)	(257.441.104)
Số dư cuối năm	690.855.173	668.475.708

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.9 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Ngày 01/01/2017	16.380.187.624	1.420.974.155	2.075.327.551	1.120.190.386	186.400.000	21.183.079.716
Phân loại lại	186.400.000	-	-	-	(186.400.000)	-
Ngày 31/12/2017	16.566.587.624	1.420.974.155	2.075.327.551	1.120.190.386	-	21.183.079.716
G. trị hao mòn lũy kế						
Ngày 01/01/2017	16.231.836.616	1.420.974.155	1.978.189.896	1.087.346.286	-	20.718.346.953
Khấu hao trong năm	161.508.910	-	52.984.000	17.570.000	18.640.000	250.702.910
Phân loại lại	18.640.000	-	-	-	(18.640.000)	-
Ngày 31/12/2017	16.411.985.526	1.420.974.155	2.031.173.896	1.104.916.286	-	20.969.049.863
Giá trị còn lại						
Ngày 01/01/2017	148.351.008	-	97.137.655	32.844.100	186.400.000	464.732.763
Ngày 31/12/2017	154.602.098	-	44.153.655	15.274.100	-	214.029.853

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 20.434.818.263 VND (31 tháng 12 năm 2016: 15.954.308.263 VND).

4.10 Tài sản cố định vô hình

	Bản quyền hệ điều hành Microsoft VND
Nguyên giá	
Ngày 01/01/2017	108.436.107
Ngày 31/12/2017	108.436.107
Giá trị hao mòn lũy kế	
Ngày 01/01/2017	108.436.107
Ngày 31/12/2017	108.436.107
Giá trị còn lại	
Ngày 01/01/2017	-
Ngày 31/12/2017	-

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 108.436.107 VND (31 tháng 12 năm 2016: 108.436.107 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.11 Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa VND
Nguyên giá	
Ngày 01/01/2017	6.211.957.943
Ngày 31/12/2017	6.211.957.943
Giá trị hao mòn lũy kế	
Ngày 01/01/2017	6.203.762.483
Tăng trong năm	8.195.460
Ngày 31/12/2017	6.211.957.943
Giá trị còn lại	
Ngày 01/01/2017	8.195.460
Ngày 31/12/2017	-

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, nguyên giá của bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 6.211.957.943 VND (31 tháng 12 năm 2016: 5.925.967.943 VND).

4.12 Đầu tư vào công ty liên kết

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh	510.000.000	510.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(510.000.000)	(510.000.000)
Giá trị thuần	-	-

Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302720205 đăng ký lần đầu ngày 11 tháng 9 năm 2002 cho đến thay đổi lần thứ ba vào ngày 20 tháng 8 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, với hoạt động chính là gia công, sản xuất linh kiện điện tử.

Khoản đầu tư vào Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh chiếm tỷ lệ 30% trên vốn thực góp của công ty này tại ngày 31 tháng 12 năm 2017. Công ty đã xem xét và đánh giá tình hình hoạt động của Công ty Bình Minh và lập dự phòng toàn bộ cho khoản đầu tư này.

4.13 Người mua trả trước ngắn hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Công ty TNHH Điện và Điện tử Darling	-	1.650.480.000
Công ty Điện và Điện tử TCL (Việt Nam)	482.998.425	610.108.811
	482.998.425	2.260.588.811

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

4.14 Thuế và các khoản nộp/(phải thu) nhà nước

	Số phải nộp/ (phải thu) đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số phải nộp/ (phải thu) cuối năm VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	313.556.480	690.913.063	1.004.469.543	-
Thuế giá trị gia tăng nhập khẩu	-	1.708.324.106	1.708.324.106	-
Thuế nhập khẩu	-	320.371.120	320.371.120	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(652.355.907)	-	-	(652.355.907)
Thuế thu nhập cá nhân	-	13.998.675	13.998.675	-
Tiền thuế đất	(39.069.461)	4.160.248.920	3.450.000.000	671.179.459
Tiền thuế đất phi nông nghiệp	-	74.726.597	106.752.280	(32.025.683)
Thuế môn bài	-	4.000.000	4.000.000	-
Cộng	(377.868.888)	6.972.582.481	6.607.915.724	(13.202.131)
<i>Trong đó:</i>				
Phải nộp	313.556.480			671.179.459
Phải thu		691.425.368		684.381.590

4.15 Chi phí phải trả

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Lệ phí hải quan	760.000	960.000
Phí xuất, nhập khẩu	13.217.306	-
	13.977.306	960.000

4.16 Phải trả khác

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Kinh phí công đoàn	-	3.914.873
	-	3.914.873
<i>Dài hạn</i>		
Nhận ký quỹ, ký cược	825.537.500	368.095.600

4.17 Vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lỗ lũy kế VND	Cộng VND
Năm trước				
Số dư 01/01/2016	29.000.000.000	2.310.399.740	(10.532.280.637)	20.778.119.103
Lỗ trong năm	-	-	(6.768.424.466)	(6.768.424.466)
Số dư 31/12/2016	29.000.000.000	2.310.399.740	(17.300.705.103)	14.009.694.637
Năm nay				
Số dư 01/01/2017	29.000.000.000	2.310.399.740	(17.300.705.103)	14.009.694.637
Lãi trong năm	-	-	401.126.917	401.126.917
Số dư 31/12/2017	29.000.000.000	2.310.399.740	(16.899.578.186)	14.410.821.554

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Cổ phiếu

- Cổ phiếu phổ thông	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	2.900.000	2.900.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	2.900.000	2.900.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.900.000	2.900.000
Mệnh giá cổ phiếu	10.000 VND/CP	10.000 VND/CP
- Cổ phiếu ưu đãi: không có		

4.19 Tài sản nhận giữ hộ

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty còn nhận giữ hộ máy móc thiết bị để gia công cho khách hàng Tohozinc Co., Ltd. với giá trị ban đầu là 44.064.922 JPY, 396.800.000 VND và 22.536,00 USD. Trong đó, nguyên giá máy móc thiết bị đã nhận giữ hộ trên 6 năm (từ năm 2012 trở về trước) là 22.536 USD và 42.610.520 JPY.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Doanh thu

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu thành phẩm - xuất khẩu	25.522.391.254	28.729.449.487
Doanh thu thành phẩm - nội địa	19.109.668.934	56.550.270.064
	44.632.060.188	85.279.719.551
Doanh thu bán vật tư	1.227.817.068	1.980.868.014
Doanh thu bán hàng hóa	-	2.025.012.600
Doanh thu bán phế liệu	27.040.683	120.482.817
Doanh thu hoạt động khác	14.782.504.018	10.346.194.920
	60.669.421.957	99.752.277.902

5.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn thành phẩm	40.820.375.490	82.893.565.900
Giá vốn vật tư	984.512.939	1.762.238.777
Giá vốn hàng hóa	-	1.991.862.598
Giá vốn hoạt động khác	3.928.848.887	2.927.838.411
	45.733.737.316	89.575.505.686

5.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	93.345.630	84.177.310
Lãi do chênh lệch tỷ giá	82.644.608	205.661.811
	175.990.238	289.839.121

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.4 Chi phí tài chính	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	510.000.000
Lỗ do chênh lệch tỷ giá	46.842.915	69.952.786
	46.842.915	579.952.786
5.5 Chi phí bán hàng	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí vật liệu bao bì	2.031.442.814	1.939.340.301
Chi phí xuất hàng	312.146.547	413.435.192
Chi phí quảng cáo, hoa hồng môi giới	16.125.000	21.145.000
Chi phí khác	1.148.959	-
	2.360.863.320	2.373.920.493
5.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	5.633.451.598	5.397.437.117
Chi phí đồ dùng văn phòng	346.832.322	366.716.987
Khấu hao tài sản cố định	60.584.000	60.584.000
Tiền thuê đất	2.216.158.520	2.752.850.610
Thuế, phí và lệ phí	207.959.693	235.355.522
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	293.576.469	209.052.863
Chi phí tiếp khách	435.630.170	339.908.885
Chi phí điện thoại	71.088.414	120.366.763
Chi phí trợ cấp thôi việc	461.758.000	1.786.712.000
Công tác phí	25.967.357	141.425.946
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.865.997.597	2.084.803.392
Các chi phí khác	681.256.793	963.201.947
	12.300.260.933	14.458.416.032
5.7 Thu nhập khác	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Thu do khách hàng hỗ trợ	-	166.987.500
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	-	150.000.000
Khác	31.208.821	30.491.565
	31.208.821	347.479.065
5.8 Chi phí khác	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi đền bù, bồi thường	30.787.126	-
Phạt vi phạm hành chính	-	103.562.428
Khác	3.002.489	66.663.129
	33.789.615	170.225.557

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.9 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi/(Lỗ) kế toán trước thuế	401.126.917	(6.768.424.466)
Cộng: chi phí không được trừ	145.051.000	267.914.069
Trừ: thu nhập không chịu thuế	-	(26.783.947)
Lãi/(Lỗ) tính thuế	546.177.917	(6.527.294.344)
Chuyển lỗ	(546.177.917)	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, các khoản lỗ tính thuế được trừ vào thu nhập chịu thuế của những năm sau và thời gian chuyển lỗ không quá 5 năm.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có khoản lỗ lũy kế có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai như sau :

Năm	Được chuyển lỗ đến năm	Số lỗ chuyển sang VND	Lỗ đã sử dụng đến 31/12/2017 VND	Chuyển lỗ chưa sử dụng 31/12/2017 VND
2014	2019	(4.647.911.249)	546.177.917	(4.101.733.332)
2015	2020	(5.341.625.085)	-	(5.341.625.085)
2016	2021	(6.527.294.344)	-	(6.527.294.344)
		(16.516.830.678)	546.177.917	(15.970.652.761)

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có khoản lỗ tính thuế có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai; tuy nhiên, tài sản thuế hoãn lại của khoản lỗ được mang sang này không ghi nhận bởi Công ty chưa dự kiến được lợi nhuận trong tương lai có thể cân trừ với tài sản thuế hoãn lại.

5.10 Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi/(Lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	401.126.917	(6.768.424.466)
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong năm (cổ phần)	2.900.000	2.900.000
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	138	(2.334)

5.11 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu	21.421.870.295	59.724.711.087
Chi phí nhân công	23.086.736.186	24.098.335.149
Chi mua hàng hóa	-	1.991.862.598
Chi phí khấu hao tài sản cố định	258.898.370	298.838.509
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	1.865.997.597	2.084.803.392
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.854.293.461	7.390.510.656
Các chi phí khác	9.980.370.463	9.283.413.970
	60.468.166.372	104.872.475.361

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

6. THÔNG TIN BỘ PHẬN

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý tại thuyết minh mục số 5.1-Doanh thu và 5.2-Giá vốn hàng bán.

Công ty không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý.

7. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính :

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngân hàng phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty.

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	5.486.186.891	3.488.124.681	5.486.186.891	3.488.124.681
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2.700.000.000	-	2.700.000.000	-
Phải thu khách hàng	5.503.837.627	7.947.958.482	5.503.837.627	7.947.958.482
Các khoản phải thu khác	-	660.000.000	-	660.000.000
	13.690.024.518	12.096.083.163	13.690.024.518	12.096.083.163
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	-	2.361.441.279	-	2.361.441.279
Các khoản phải trả khác	825.537.500	368.095.600	825.537.500	368.095.600
	825.537.500	2.729.536.879	825.537.500	2.729.536.879

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 1 tháng 1 năm 2017. Tuy nhiên Ban Giám đốc ước tính giá trị hợp lý của những tài sản và nợ phải trả tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

Công ty có thể gặp phải các rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường: Hoạt động của Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá và rủi ro về biến động giá.

Rủi ro tỷ giá là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái có liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Công ty không chịu ảnh hưởng đáng kể về rủi ro tỷ giá.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có các khoản tài sản/ (nợ phải trả) tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau :

	USD
Tiền và tương đương tiền	26.185,36
Phải thu khách hàng	149.694,55
Phải trả người bán	-
Tài sản thuần	<u>175.879,91</u>

Công ty chịu rủi ro về giá do thực hiện mua nguyên liệu cho sản xuất, gia công. Công ty quản lý rủi ro về giá thông qua việc theo dõi thông tin thị trường nhằm quản lý thời gian mua hàng phù hợp tiến độ sản xuất, gia công và mức độ hàng tồn kho.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng giao dịch không thực hiện được các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng), tuy nhiên:

Về phải thu khách hàng: Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được, nhưng số dư khoản phải thu còn tập trung vào số ít khách hàng (khoảng 4 khách hàng như nêu tại thuyết minh 4.3).

Tiền gửi ngân hàng: Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng có uy tín tại Việt Nam.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn, chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý tính thanh khoản thông qua việc duy trì lượng tiền mặt và tương đương tiền ở mức mà Ban giám đốc cho là đủ đáp ứng cho nhu cầu hoạt động của Công ty và giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

8. CÁC THÔNG TIN KHÁC

8.1 Giao dịch và số dư với các bên có liên quan

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh với các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Công ty CP Thương mại Dịch vụ Bình Minh	Doanh thu dịch vụ Chi phí gia công	10.032.000 1.279.031.000	37.481.538 883.945.875

Vào ngày kết thúc năm tài chính, số dư các khoản phải thu với các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	31/12/2017 VND	31/12/2016 VND
Công ty CP Thương mại Dịch vụ Bình Minh	Phải thu thương mại Phải thu khác (thuyết minh 4.6)	318.131.651 50.000.000	354.137.948 50.000.000
Công ty CP Đầu tư và Ứng dụng Công nghệ mới (TECCO)	Phải thu khác (thuyết minh 4.4)	1.949.158.918	1.949.158.918

Thu nhập của các nhân sự chủ chốt trong năm như sau:

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Hội đồng Quản trị	350.110.000	-
Ban Giám đốc	423.982.000	428.376.000
Ban kiểm soát	49.200.000	-
Lương, thưởng và phụ cấp	823.292.000	428.376.000

8.2 Cam kết thuê hoạt động

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại số 204 Nơ Trang Long, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh để làm văn phòng, kho và nhà xưởng sản xuất và thuê đất tại Khu công nghiệp Hồ Nai, xã Hồ Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai để làm nhà máy sản xuất. Tổng số tiền thuê tối thiểu phải trả hàng năm trong tương lai cho hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau :

	Trong vòng 1 năm VND	Từ 2 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Số 204 Nơ Trang Long, Bình Thạnh, Tp.HCM	4.277.457.130	8.554.914.260	-	12.832.371.390
Khu công nghiệp Hồ Nai, tỉnh Đồng Nai	251.372.938	1.005.491.750	6.535.696.382	7.792.561.070
	4.528.830.068	9.560.406.010	6.535.696.382	20.624.932.460

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

8.3 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính.


LÊ THỊ NGỌC THỦY
Người lập biểu


HOÀNG THỊ ANH LÊ
Kế toán trưởng


HÀ HỮU QUANG
Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 3 năm 2018